-TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/DS-ST
Ngày: 05-8-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Nhân
2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quí, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2026/QĐXXST-DS ngày 20/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N1
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng giám đốc.
Địa chỉ: Số B, L, phường G, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Đình T; chức vụ: Giám đốc ngân hàng N1 – chi nhánh N2.
(Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).
Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Văn Đ; chức vụ: Phó Giám đốc ngân hàng N1 – chi nhánh N2, có mặt.
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long.
(Theo văn bản ủy quyền số 28/UQ-NHNoNDH ngày 04/8/2026).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1962, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Đình T trình bày:

Ngày 17/8/2023, ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 và ông Phan Văn N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-202301068. Cụ thể: Số tiền vay: 180.000.000 đồng; mục đích vay: Nuôi tôm; thời hạn vay: 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng: 12/8/2024; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/01 lần; lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Phan Văn N nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với gia đình ông Phan Văn N để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-202301068 ngày 17/8/2023. Tuy nhiên tính đến nay, phía ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng tới công tác thu hồi nợ của ngân hàng.

Tính từ ngày phát sinh nợ đến ngày 09/02/2026, ông N còn nợ ngân hàng số tiền gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 42.492.329 đồng, tiền lãi quá hạn 12.789.863 đồng đồng, tiền lãi chậm trả 2.950.326 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 238.232.518 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông N phải trả đủ số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn N luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ông N cũng không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án; yêu cầu ông Phan Văn N phải trả cho ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 số tiền vay tạm tính đến ngày 05/8/2026, trong đó tiền gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.784.657 đồng, tiền lãi quá hạn 16.936.027 đồng, tiền lãi chậm trả 3.768.110 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 251.488.794 *(hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn)* đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Bị đơn ông Phan Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt:

Nội dung đơn ông đồng ý trả số nợ gốc là 180.000.000 *(một trăm tám mươi triệu)* đồng và tiền lãi theo yêu cầu của ngân hàng N1 – chi nhánh N2.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất và không phải chứng minh:

- Ông N thừa nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả cho ngân hàng N1 – chi nhánh N2 số tiền vay gốc là 180.000.000 *(một trăm tám mươi triệu)* đồng và tiền lãi theo yêu cầu của ngân hàng.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 khởi kiện ông Phan Văn N; yêu cầu ông N phải trả đủ số tiền vay. Bị đơn ông N không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông N có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N1 – Chi nhánh N2:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã cung cấp hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-202301068 ngày 17/8/2023 có chữ ký của ông N. Ông N cũng thừa nhận có nợ và đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ngân hàng. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Từ cơ sở phân tích nêu trên, xét thấy ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền vay tính đến ngày 05/8/2026, trong đó tiền gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.784.657 đồng, tiền lãi quá hạn 16.936.027 đồng, tiền lãi chậm trả 3.768.110 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 251.488.794 *(hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn)* đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 251.488.794 đồng x 5% = 12.574.500 đồng. Do ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Tòa án chấp nhận, ông N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N1 – Chi nhánh N2. Buộc ông Phan Văn N phải trả cho ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 số tiền vay tạm tính đến ngày 05/8/2026, trong đó tiền gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.784.657 đồng, tiền lãi quá hạn 16.936.027 đồng, tiền lãi chậm trả 3.768.110 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 251.488.794 *(hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn)* đồng.

Kể từ ngày 06/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-202301068 ngày 17/8/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn N được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 không phải chịu án phí; hoàn trả ngân hàng N1 – Chi nhánh N2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.880.000 *(năm triệu tám trăm tám mươi nghìn)* đồng theo biên lai số 0005078 ngày 20 tháng 3 năm 2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự".

<u>Nơi nhận:</u>
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- PTHADS Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quãng Thanh Trung